

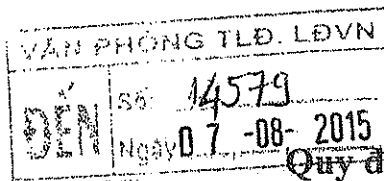
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32/2015/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2015



QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại là xe ô tô; chế độ khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị), Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi chung là Ban Quản lý dự án) và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi chung là công ty nhà nước).

2. Xe ô tô thuộc phạm vi điều chỉnh tại Quyết định này bao gồm xe từ 4 đến 16 chỗ ngồi, xe ô tô chuyên dùng được hình thành từ nguồn vốn ngân sách, có nguồn gốc ngân sách, nguồn vốn của công ty nhà nước (kể cả viện trợ, quà biếu, tặng cho của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hoặc được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật...).

3. Đối với xe ô tô tại các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; xe phục vụ công tác của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài và xe phục vụ lễ tân đối ngoại của Nhà nước được thực hiện theo quy định riêng của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Nguyên tắc trang bị, bố trí, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác

1. Nhà nước đảm bảo việc trang bị xe ô tô để phục vụ công tác cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án và công ty nhà nước theo quy định tại Quyết định này. Căn cứ tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này, cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án và công ty nhà nước bố trí xe ô tô phục vụ công tác theo đúng quy định.

2. Trường hợp một cán bộ giữ nhiều chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thì được áp dụng tiêu chuẩn sử dụng xe theo chức danh cao nhất. Khi người tiền nhiệm nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác mà xe ô tô đã trang bị chưa đủ điều kiện thay thế theo quy định tại Khoản 5 Điều này thì người mới được bổ nhiệm tiếp tục sử dụng xe ô tô đã trang bị cho người tiền nhiệm, không trang bị xe mới.

3. Nghiêm cấm việc sử dụng xe ô tô quy định tại Quyết định này vào việc riêng; bán, trao đổi, tặng cho, cho mượn, cầm cố, thế chấp hoặc điều chuyển cho bất cứ tổ chức, cá nhân nào khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Giá mua xe ô tô theo Quyết định này là giá mua đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật; chưa bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí cấp biển số xe, phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế thì phải tính đủ số thuế được miễn để xác định tiêu chuẩn, định mức. Trường hợp điều chuyển, tiếp nhận thì giá xe ô tô làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức là giá trị còn lại của xe ô tô.

5. Xe ô tô trang bị cho các chức danh quy định tại Điều 3 và Điều 4 Quyết định này được thay thế theo yêu cầu công tác; xe ô tô trang bị cho các chức danh quy định tại Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Quyết định này được thay thế khi đã sử dụng vượt quá thời gian theo chế độ quy định hoặc sử dụng ít nhất 250.000 km (đối với địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn là 200.000 km) mà không thể tiếp tục sử dụng hoặc bị hư hỏng mà không đảm bảo an toàn khi vận hành theo kiểm định của cơ quan có chức năng. Xe ô tô thay thế được xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

6. Việc mua xe ô tô quy định tại Quyết định này thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về mua sắm tài sản nhà nước và chỉ được mua sắm khi đã được bố trí trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương II **TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC,** **CHẾ ĐỘ TRANG BỊ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC**

Điều 3. Các chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô, kể cả sau khi đã nghỉ công tác, không quy định mức giá cụ thể

1. Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.
2. Chủ tịch nước.
3. Thủ tướng Chính phủ.
4. Chủ tịch Quốc hội.

Điều 4. Các chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác

1. Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, các chức danh tương đương và các chức danh có hệ số lương khởi điểm từ 10,4 trở lên.

2. Căn cứ tình hình thực tế tại từng thời điểm, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủng loại xe trang bị cho các chức danh nêu tại Khoản 1 Điều này theo đề nghị của Bộ Tài chính. Giá mua xe phù hợp với thị trường tại thời điểm mua sắm.

Điều 5. Các chức danh được sử dụng thường xuyên trong thời gian công tác một xe ô tô với giá mua tối đa 1.100 triệu đồng/một xe

1. Trưởng ban của Đảng ở Trung ương, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội; Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trưởng các đoàn thể ở Trung ương, các chức danh tương đương và các chức danh có hệ số lương khởi điểm từ 9,7 trở lên.

2. Bí thư tỉnh ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Các chức danh sau đây của thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh: Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách.

Điều 6. Các chức danh được sử dụng xe ô tô để đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và đi công tác với mức giá mua xe tối đa 920 triệu đồng/một xe

1. Phó Trưởng ban của Đảng ở Trung ương, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Thứ trưởng, Phó các đoàn thể Trung ương, Bí thư Thường trực Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 trở lên.

2. Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Các chức danh sau đây của thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh: Phó trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc.

4. Trường hợp các chức danh quy định tại Điều này tự túc phương tiện, được khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo quy định tại Điều 14 Quyết định này.

Điều 7. Trang bị, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án

1. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên (không kể kiêm nhiệm) được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung để đưa đón cán bộ đi công tác (không đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc) từ nguồn xe điều chuyển hoặc mua mới với giá mua tối đa 720 triệu đồng/xe; cụ thể:

a) Ở trung ương:

- Đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội:

+ Văn phòng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được trang bị tối đa 03 xe ô tô/01 đơn vị.

+ Các đơn vị khác thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (các Vụ, Ban và các tổ chức tương đương) được trang bị tối đa 01 xe ô tô/01 đơn vị.

+ Các Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được trang bị tối đa 02 xe ô tô/01 đơn vị.

- Đối với Tổng cục và các tổ chức tương đương:

+ Văn phòng Tổng cục và Văn phòng các tổ chức tương đương được trang bị tối đa 02 xe ô tô/01 đơn vị.

+ Các đơn vị khác thuộc Tổng cục hoặc các đơn vị thuộc các tổ chức tương đương được trang bị tối đa 01 xe ô tô/02 đơn vị.

+ Mỗi Cục trực thuộc Tổng cục hoặc thuộc các tổ chức tương đương được trang bị tối đa 01 xe ô tô/01 đơn vị.

b) Ở địa phương:

- Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (như: Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân, các Sở, Ban, ngành và các tổ chức tương đương); Quận ủy, Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy; Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố được trang bị tối đa 02 xe ô tô/01 đơn vị.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các Sở, Ban, ngành có chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên (không kể kiêm nhiệm) được trang bị tối đa 01 xe ô tô/01 đơn vị.

2. Đối với Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước được trang bị xe ô tô phục vụ công tác theo quy định sau:

a) Đối với Ban Quản lý dự án có chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên (không kể kiêm nhiệm) được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

b) Đối với Ban Quản lý dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) hoặc vốn viện trợ nước ngoài, việc mua sắm xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án thực hiện theo quy định của Hiệp định đã được ký kết hoặc văn kiện dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp Hiệp định đã được ký kết hoặc văn kiện dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt không ghi cụ thể số lượng, giá mua xe và chủng loại xe; căn cứ đối tượng sử dụng xe, Ban Quản lý dự án thực hiện việc trang bị theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này.

c) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm quốc gia; các dự án đầu tư nhóm A, nhóm B theo tuyến, thực hiện trên địa bàn từ hai (02) tỉnh, thành phố trở lên hoặc dự án triển khai trên địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thuộc danh mục các địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, nhưng các chức danh lãnh đạo không đủ mức hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên, được trang bị xe ô tô từ nguồn xe điều chuyển hoặc thuê xe dịch vụ để phục vụ công tác. Trường hợp không có xe điều chuyển hoặc dịch vụ thuê xe không thuận tiện, được mua xe ô tô theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều này. Nguồn kinh phí mua xe hoặc thuê xe bố trí từ kinh phí hoạt động của Ban Quản lý dự án.

d) Khi dự án kết thúc, xe ô tô trang bị phục vụ công tác quản lý dự án của Ban Quản lý dự án phải bàn giao cho cơ quan tài chính (Bộ Tài chính đối với dự án trung ương quản lý; Sở Tài chính đối với dự án địa phương quản lý) để xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

3. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án cần thiết mua xe từ 12 đến 16 chỗ ngồi để thực hiện nhiệm vụ hoặc xe ô tô 2 cầu do thường xuyên phải đi công tác tại địa bàn các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn thì giá mua xe tối đa là 1.040 triệu đồng/xe.

4. Căn cứ vào điều kiện cơ sở hạ tầng giao thông và khả năng cung cấp dịch vụ phương tiện đi lại trên địa bàn, Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương quy định khoảng cách cụ thể từ trụ sở cơ quan để bố trí xe ô tô khi đi công tác cho các chức danh có đủ tiêu chuẩn thuộc phạm vi quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định đối với các chức danh có đủ tiêu chuẩn thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp. Trường hợp các chức danh này tự túc phương tiện, được khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo quy định tại Điều 14 Quyết định này.

Trường hợp do yêu cầu công tác, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, cho phép bố trí xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án cho các trường hợp không đủ tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác.

5. Việc mua xe ô tô quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều này do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương quyết định đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc Trung ương quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc địa phương quản lý.

Điều 8. Thay thế xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban Quản lý dự án

1. Đối với xe ô tô phục vụ các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô theo quy định tại các Điều 3, Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Quyết định này, khi phải thay thế theo quy định tại Khoản 5 Điều 2 Quyết định này mà không có xe để điều chuyển thì được mua mới. Giá mua xe ô tô theo định mức quy định tại Quyết định này.

2. Đối với xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án theo quy định tại Điều 7 Quyết định này đủ điều kiện thanh lý quy định tại Khoản 5 Điều 2 Quyết định này, nếu không có xe ô tô điều chuyển thì được mua mới để thay thế xe ô tô đã thanh lý. Giá mua xe ô tô theo định mức quy định tại Quyết định này.

3. Quản lý, sử dụng số xe ô tô hiện có tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án.

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô hiện có tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 7 Quyết định này; trường hợp sau khi sắp xếp, số xe ô tô còn lại (nếu có) được xử lý theo thứ tự sau:

- Căn cứ tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này, các Bộ ngành và địa phương xem xét, quyết định thực hiện điều chuyển cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý mà chưa đủ định mức xe theo quy định tại Quyết định này.

- Căn cứ tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này, Bộ Tài chính thực hiện điều chuyển cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

b) Sau khi thực hiện rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô hiện có theo quy định tại Điểm a Khoản này, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án phải báo cáo kê khai, đăng nhập vào Cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

c) Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện báo cáo Bộ Tài chính về kết quả sắp xếp lại số xe ô tô hiện có theo quy định tại Điểm a Khoản này. Bộ Tài chính thực hiện điều chuyển cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 9. Trang bị xe ô tô chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án

1. Xe ô tô chuyên dùng là xe gắn kèm trang thiết bị chuyên dùng hoặc có cấu tạo đặc biệt theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ hoặc sử dụng cho nhiệm vụ đặc thù phục vụ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị - xã hội.

2. Giá mua xe ô tô chuyên dùng.

a) Đối với xe ô tô chuyên dùng có gắn kèm trang thiết bị chuyên dùng hoặc xe ô tô có cấu tạo đặc biệt theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ hoặc xe ô tô từ 16 chỗ ngồi trở lên để phục vụ nhiệm vụ đặc thù, giá mua xe do cơ quan quy định tại Khoản 6 Điều này xem xét, quyết định.

b) Đối với xe ô tô chuyên dùng không thuộc trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này, giá mua xe thực hiện như đối với xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại Điều 7 Quyết định này.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương ban hành định mức xe ô tô chuyên dùng (chủng loại, số lượng) trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng (chủng loại, số lượng) xe chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng áp dụng cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý nhằm đảm bảo sử dụng xe đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

5. Việc mua sắm xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án chỉ được thực hiện sau khi các Bộ, ngành và địa phương đã ban hành định mức và phù hợp với chủng loại, số lượng xe do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Khoản 3 Điều này và mức giá quy định tại Khoản 2 Điều này.

6. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương quyết định việc mua sắm xe ô tô chuyên dùng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc trung ương quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc mua sắm xe ô tô chuyên dùng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc địa phương quản lý.

7. Đối với xe ô tô chuyên dùng đã quá thời gian sử dụng theo quy định mà không thể tiếp tục sử dụng được hoặc đã bị hỏng nhưng việc sửa chữa để tiếp tục sử dụng không hiệu quả, không đảm bảo an toàn khi vận hành theo kiểm định của cơ quan có chức năng của nhà nước, được thực hiện thanh lý. Việc trang bị thay thế xe đã thanh lý không được vượt quá số lượng, đúng chủng loại xe theo tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng được cấp có thẩm quyền ban hành quy định tại Khoản 3 Điều này; giá mua xe ô tô theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

8. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện báo cáo về Bộ Tài chính:

a) Việc ban hành định mức xe ô tô chuyên dùng sau khi đã được thỏa thuận định mức theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

b) Việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý.

Điều 10. Trang bị xe ô tô tại công ty nhà nước

Căn cứ nhu cầu phục vụ công tác và khả năng tài chính, công ty nhà nước trang bị xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh lãnh đạo và phục vụ công tác chung theo quy định sau:

1. Các chức danh được sử dụng 01 xe ô tô đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc hàng ngày và đi công tác với mức giá mua tối đa 840 triệu đồng/xe gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc các Tổng công ty và các Tập đoàn do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và các chức danh tương đương.

2. Xe ô tô phục vụ công tác chung tại công ty nhà nước được trang bị tối đa 02 xe với giá mua tối đa 720 triệu đồng/xe để phục vụ cho các chức danh khi đi công tác (không đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc); gồm: Ủy viên (thành viên) Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc các Tổng công ty và các Tập đoàn; Giám đốc, Phó giám đốc các công ty nhà nước và các chức danh tương đương.

Trường hợp cần thiết mua xe từ 12 đến 16 chỗ ngồi để thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc cần thiết mua xe ô tô 2 cầu do thường xuyên phải đi công tác tại địa bàn các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn thì giá mua xe tối đa là 1.040 triệu đồng/xe.

3. Việc trang bị, thay thế xe ô tô quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này do Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

4. Đối với xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ của công ty nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

Điều 11. Thẩm quyền điều chỉnh mức giá mua xe ô tô

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định đối với mức giá mua xe ô tô cao hơn không quá (5%) mức giá quy định tại Quyết định này đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty xem xét, quyết định mức giá mua xe ô tô cao hơn không quá (5%) mức giá quy định tại Quyết định này đối với công ty nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định đối với các trường hợp giá mua xe ô tô cao hơn mức giá quy định tại Quyết định này, tối đa không quá 15%.

4. Khi giá xe ô tô phổ biến trên thị trường tăng, giảm trên 20% so với các mức giá quy định tại Quyết định này, Bộ trưởng Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

Chương III

CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ TẠI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN VÀ CÔNG TY NHÀ NƯỚC

Điều 12. Quản lý, sử dụng số xe ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án

Căn cứ số xe ô tô hiện có, thực tế cung cấp dịch vụ phương tiện đi lại của thị trường và khả năng tự túc phương tiện đi lại của từng chức danh có đủ tiêu chuẩn, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương và địa phương lựa chọn việc quản lý xe ô tô theo một trong hai hình thức sau:

1. Giao cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án tiếp tục quản lý để bố trí xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh có tiêu chuẩn quy định tại Quyết định này như sau:

a) Sử dụng số xe hiện có của cơ quan để bố trí xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh có tiêu chuẩn quy định tại Quyết định này:

- Ở Trung ương:

+ Đối với Tổng cục trực thuộc Bộ (hoặc tổ chức tương đương), thủ trưởng cơ quan thực hiện:

. Giao cho Văn phòng Tổng cục hoặc cơ quan quản lý tài chính, tài sản làm đầu mối thực hiện quản lý toàn bộ số xe ô tô của Văn phòng và các đơn vị hạch toán phụ thuộc (Vụ, Ban và các tổ chức tương đương thuộc Tổng cục) có đủ tiêu chuẩn được trang bị xe ô tô để bố trí cho các chức danh có tiêu chuẩn khi đi công tác theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Quyết định này.

. Giao Cục trực thuộc Tổng cục và các đơn vị có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước có đủ tiêu chuẩn được trang bị xe ô tô được trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để bố trí cho các chức danh có tiêu chuẩn khi đi công tác theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Quyết định này.

+ Đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, thủ trưởng cơ quan thực hiện:

. Giao Văn phòng hoặc cơ quan quản lý tài chính, tài sản thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội làm đầu mối thực hiện quản lý toàn bộ số xe ô tô của Văn phòng và các đơn vị hạch toán phụ thuộc (các Vụ, Ban và tổ chức tương đương) có tiêu chuẩn được trang bị xe ô tô để bố trí cho các chức danh có tiêu chuẩn khi đi công tác theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Quyết định này.

. Giao các Cục và các đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hạch toán độc lập có đủ tiêu chuẩn được trang bị xe ô tô được trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để bố trí cho các chức danh có tiêu chuẩn khi đi công tác theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Quyết định này.

- Ở địa phương:

+ Đối với Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thủ trưởng cơ quan thực hiện:

. Giao Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân làm đầu mối thực hiện quản lý toàn bộ số xe ô tô của Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân và các đơn vị hạch toán phụ thuộc (các Ban và các tổ chức tương đương) có đủ tiêu chuẩn được trang bị xe ô tô để bố trí cho các chức danh có tiêu chuẩn khi đi công tác theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Quyết định này.

. Giao các đơn vị hạch toán độc lập thuộc Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân có đủ tiêu chuẩn được trang bị xe ô tô được trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để bố trí cho các chức danh có tiêu chuẩn khi đi công tác theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Quyết định này.

+ Đối với các Quận ủy, Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy; Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố được trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để bố trí cho các chức danh có tiêu chuẩn khi đi công tác theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Quyết định này.

+ Đối với các Sở, Ban, ngành và các tổ chức tương đương, thủ trưởng cơ quan thực hiện:

. Giao Văn phòng Sở (Ban, ngành và các tổ chức tương đương) quản lý số xe ô tô của Sở, Ban, ngành và các tổ chức tương đương để bố trí cho các chức danh có tiêu chuẩn khi đi công tác theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Quyết định này.

. Giao các đơn vị hạch toán độc lập thuộc Sở, Ban, ngành và các tổ chức tương đương có đủ tiêu chuẩn được trang bị xe ô tô được trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để bố trí cho các chức danh có tiêu chuẩn khi đi công tác theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Quyết định này.

b) Thuê dịch vụ xe ô tô theo quy định tại Điều 13 Quyết định này.

c) Khoản kinh phí để tự túc phương tiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định này.

2. Giao đơn vị sự nghiệp công hoặc doanh nghiệp dịch vụ công ích quản lý xe ô tô để bố trí xe phục vụ công tác cho các chức danh cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án có tiêu chuẩn quy định tại Quyết định này hoặc cung cấp dịch vụ xe ô tô theo quy định của pháp luật, thực hiện như sau:

a) Đối với các Bộ, ngành ở trung ương: Căn cứ vào quy mô tổ chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý để giao cho một (hoặc một số) đơn vị sự nghiệp công hoặc doanh nghiệp dịch vụ công ích quản lý số xe ô tô của các cơ quan, đơn vị;

b) Đối với các địa phương: Giao cho một (hoặc một số) đơn vị sự nghiệp công hoặc doanh nghiệp dịch vụ công ích quản lý số xe ô tô công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý.

Điều 13. Thuê dịch vụ xe ô tô

Căn cứ điều kiện cụ thể, thực tế cung cấp dịch vụ phương tiện đi lại của thị trường, cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án, công ty nhà nước thực hiện thuê dịch vụ xe ô tô. Giá thuê xe là đơn giá bình quân của phương tiện vận tải công cộng. Việc thuê dịch vụ xe ô tô thực hiện theo hình thức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ xe ô tô theo quy định.

Điều 14. Khoản kinh phí sử dụng xe ô tô

1. Trường hợp các chức danh quy định tại Điều 6 Quyết định này tự nguyện đăng ký thực hiện khoản kinh phí sử dụng xe ô tô đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc; mức khoản kinh phí được xác định theo từng tháng, trên cơ sở:

- Khoảng cách thực tế từ nhà ở đến nơi làm việc;
- Đơn giá bình quân của phương tiện vận tải công cộng (đơn giá của các hãng xe taxi phổ biến trên thị trường);
- Số ngày làm việc theo quy định (không bao gồm ngày đi công tác);
- Số lượt đưa đón (02 lượt/01 ngày).

2. Trường hợp các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác theo quy định tại Quyết định này tự nguyện đăng ký thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô khi đi công tác, mức khoán kinh phí được xác định trên cơ sở:

- Khoảng cách thực tế đi công tác;
- Đơn giá bình quân của phương tiện vận tải công cộng (đơn giá của các hãng xe taxi phổ biến trên thị trường).

3. Trong thời gian đơn vị được giao quản lý xe chưa chuyển sang mô hình đơn vị sự nghiệp công hoặc doanh nghiệp dịch vụ công ích, đơn vị được giao quản lý xe được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung để phục vụ nhu cầu đi lại, đưa đón đối với các chức danh trong cơ quan, đơn vị có tiêu chuẩn theo quy định tại Quyết định này theo nguyên tắc người có tiêu chuẩn được bố trí xe phục vụ công tác đăng ký với đơn vị được giao quản lý xe về thời gian, cung đường sử dụng xe và sử dụng kinh phí được khoán để thanh toán cho đơn vị được giao quản lý xe; đơn giá khoán xe tính theo đơn giá của các hãng taxi phổ biến trên thị trường; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định việc sử dụng xe ô tô phục vụ nhu cầu đi lại, đưa đón đối với các chức danh đảm bảo không ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 15. Bố trí xe ô tô phục vụ công tác tại công ty nhà nước

1. Công ty nhà nước bố trí xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Điều 10 Quyết định này.

2. Công ty nhà nước xây dựng và quyết định việc thực hiện phương thức quản lý, sử dụng xe ô tô theo các hình thức quy định tại Khoản 1 Điều 12 Quyết định này.

3. Trường hợp các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô quy định tại Điều 10 Quyết định này tự nguyện đăng ký thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, mức khoán kinh phí được xác định theo quy định tại Điều 14 Quyết định này.

Điều 16. Chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô

Cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án và công ty nhà nước được trang bị xe ô tô theo quy định tại Quyết định này thực hiện việc quản lý xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức; tổ chức hạch toán và công khai chi phí sử dụng xe tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án và công ty nhà nước theo quy định của pháp luật.

Chương IV TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Chủ trì và phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

2. Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tiến hành kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành các quy định về trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án, công ty nhà nước theo Quyết định này.

3. Thực hiện thu hồi, điều chuyển xe ô tô theo thẩm quyền quy định.

4. Hướng dẫn cụ thể nội dung quy định tại các Điều: 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 và Điều 18 Quyết định này.

Điều 18. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ quy định Quyết định này thực hiện:

1. Quyết định hình thức quản lý số xe ô tô hiện có tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý đảm bảo việc quản lý, sử dụng xe ô tô theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước. Nội dung của Quy chế bao gồm:

- Quy định về trang bị, bố trí, sử dụng, sửa chữa, bảo dưỡng, xử lý xe ô tô;
- Quy định khoảng cách cụ thể (số km) từ trụ sở cơ quan để bố trí xe ô tô cho các chức danh có đủ tiêu chuẩn khi đi công tác;
- Quy định cụ thể việc xác định mức khoán kinh phí, thanh toán tiền khoán kinh phí sử dụng xe ô tô;
- Quy định về quyền và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án và cá nhân có liên quan;
- Quy định về xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng xe ô tô;
- Các nội dung khác có liên quan.

3. Công khai việc quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng theo quy định của pháp luật về công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

4. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an căn cứ quy định tại Quyết định này để xây dựng tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý sử dụng xe ô tô của ngành và thống nhất với Bộ Tài chính trước khi trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 19. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án và công ty nhà nước

1. Thực hiện việc bố trí, sử dụng xe ô tô theo đúng tiêu chuẩn, định mức tại Quyết định này.

2. Thực hiện việc quản lý số xe ô tô hiện có theo phương án của các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Chương V **XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 20. Xử lý vi phạm trong việc mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng xe ô tô

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên (hoặc Chủ tịch công ty); Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm đối với việc mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án và công ty nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Người ra quyết định mua sắm xe ô tô không đúng thẩm quyền, không đúng tiêu chuẩn, định mức, chủng loại phải bồi thường thiệt hại và tùy theo mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

3. Đối với việc quản lý, sử dụng xe ô tô không đúng quy định, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân liên quan phải chịu trách nhiệm; tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm và mức thiệt hại mà phải bồi thường thiệt hại, đồng thời bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

4. Xe ô tô mua không đúng tiêu chuẩn, vượt giá quy định, vượt định mức bị thu hồi để xử lý theo quy định của pháp luật về tài sản nhà nước.

Chương VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 21. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 9 năm 2015. Quyết định này thay thế Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước và Quyết định số 61/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

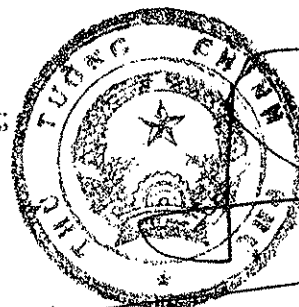
Điều 22. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty nhà nước và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (3b).Q 364

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng